



DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.096

## QUAN NIỆM CỦA PHẠM QUỲNH VỀ SỨ MỆNH CỦA GIỚI TRÍ THỨC TRONG SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Nguyễn Minh Tâm\*

Trường Đại học Tôn Đức Thắng

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Minh Tâm (email: [nguyenminhtam.tdt@gmail.com](mailto:nguyenminhtam.tdt@gmail.com))

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 16/04/2020

Ngày nhận bài sửa: 06/05/2020

Ngày duyệt đăng: 28/08/2020

### Title:

*Pham Quynh's conception of intellectuals' missions for the development of Vietnamese national culture*

### Từ khóa:

*Canh tân văn hoá, Phạm Quỳnh, trí thức, văn hoá dân tộc*

### Keywords:

*Cultural innovation, intellectuals, Pham Quynh, Vietnamese national culture*

### ABSTRACT

*The cultural similarities between the contemporary context and the era of Pham Quynh have given us an insight into his perspectives to gain solution-offering experiences in present-day society. This work sought to determine the key arguments in Pham Quynh's conception of intellectuals' roles and missions in the national cultural innovation. Thereby, the present paper aims to rediscover the core values in his thought as well as draw valuable lessons.*

### TÓM TẮT

*Những điểm tương đồng trong các vấn đề văn hoá giữa bối cảnh hiện tại và thời đại của Phạm Quỳnh tạo một cái nhìn trở lại những quan điểm của vị học giả này, để có thể tìm kiếm những kinh nghiệm giải pháp. Bài viết này tập trung trình bày những điểm chính trong quan niệm của Phạm Quỳnh về vai trò và sứ mệnh của giới trí thức trong sự nghiệp canh tân văn hoá nước nhà, với mong muốn tái phát hiện những giá trị trong tư tưởng của ông đồng thời từ đó chắt lọc những bài học đáng giá.*

Trích dẫn: Nguyễn Minh Tâm, 2020. Quan niệm của Phạm Quỳnh về sứ mệnh của giới trí thức trong sự nghiệp phát triển văn hoá dân tộc. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(4C): 172-177.

### 1 DẪN NHẬP

Trong bất cứ xã hội nào trên thế giới, bộ phận trí thức vẫn luôn nắm giữ vai trò trọng yếu trong tiến trình kiến tạo và phát triển, không chỉ về mặt văn hoá, mà còn trong mọi phương diện khác của đời sống xã hội. Có vai trò ấy, là bởi năng lực hiểu biết rộng và chuyên môn sâu tạo nên viễn độ tầm nhìn và cường độ tư duy giúp họ có thể thiết lập những dự phóng dài cho hoạt động và hoạch định chi tiết

các kế hoạch. Nhưng năng lực ấy ngoài phát huy mạnh mẽ trong lĩnh vực tổ chức đời sống cá nhân, nó còn cần được định hướng cho công cuộc chung của cộng đồng, tức là phải được hướng đạo về ý thức trách nhiệm xã hội. Trí thức phải là người thấy rõ hơn ai hết sự liên hệ mật thiết không thể tách rời giữa bản thân và cộng đồng, rằng tích cực đóng góp cho xã hội cũng đồng thời là vun đắp cho đời sống tự thân.

Phạm Quỳnh (1892 – 1945)<sup>1</sup> có thể được xem là một hình tượng trí thức dân thân tiêu biểu, là đại biểu của thời kỳ văn hoá Việt Nam chuyển mình sang ngưỡng cửa hiện đại những năm đầu thế kỷ XX, khi công cuộc canh tân văn hoá đối diện những xung đột giữa các giá trị Đông và Tây, cũ và mới, giữa lựa chọn bảo lưu hay phá bỏ... Xét cho cùng, muốn làm văn hoá, phải có lực lượng, Phạm Quỳnh xác định trung tâm là lực lượng trí thức. Nhìn lại bối cảnh nước ta ngày nay, hoà cùng xu thế dịch chuyển nhanh chóng của kỷ nguyên thông tin công nghệ và hội nhập sâu rộng trên toàn cầu, nhiệm vụ văn hoá xã hội cũng đặt ra yêu cầu phải gìn giữ “quốc phong” song hành với hội nhập phát triển, lại càng đòi hỏi một lực lượng trí thức chất lượng và hùng hậu. Một cái nhìn “ôn cố, tri tân” về kinh nghiệm thực tiễn lẫn quan điểm lý luận nơi Phạm Quỳnh, hẳn sẽ có không ít gợi mở hữu ích cho công cuộc văn hoá đương đại.

Nội dung tư tưởng của Phạm Quỳnh chung quy được thể hiện rõ nhất qua hai công trình *Thượng Chi văn tập* (2006) và *Luận giải văn học và triết học* (2003). Đây là hai công trình sưu tầm, tổng hợp những bài viết quan trọng nhất của ông từng đăng trên tờ Nam Phong tạp chí trước khi vào nhậm chức ở Huế, trong đó, vì có dung lượng đầy đủ hơn, *Thượng Chi văn tập* sẽ được dùng làm nguồn tư liệu chính khảo sát tư tưởng giáo dục của Phạm Quỳnh.

## 2 NỘI DUNG

Những quan niệm về sứ mệnh văn hoá dân tộc của giới trí thức nơi Phạm Quỳnh khá dễ được thấu hiểu và hun đúc bởi hai “chất liệu nền” là khung cảnh văn hoá – xã hội đương thời cũng như đặc thù về hoàn cảnh và kinh nghiệm của cá nhân ông. Do đó, sau khi trình bày sơ lược về hai nền tảng ấy, tư tưởng của Phạm Quỳnh sẽ được làm rõ.

### 2.1 Bối cảnh văn hoá - xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX và sự nghiệp của Phạm Quỳnh

Xã hội Việt Nam cho đến hết hai thập niên đầu thế kỷ XX, nông dân vẫn chiếm tỷ lệ hơn 90% dân số, tại Bắc kỳ và Trung kỳ tức những nơi mà đất đai bị xé vụn do khai thác suốt nhiều thế kỷ, số lượng nông dân sở hữu diện tích đất nhỏ hẹp và tầng lớp tá điền lĩnh canh không có đất vô cùng đông đảo, khoảng 24% tại Bắc kỳ và 13% tại Trung kỳ (Lê Thành Khôi, 2018). Tình trạng bán rẫy khiến một bộ phận ngày một đông nông phu và tá điền phải đi phu phen làm thuê tại đồn điền, nhà máy trở thành

giai cấp công nhân vô sản. Bên cạnh đó, sự mở rộng thương mại của người Pháp, hoạt động kinh tế được thúc đẩy và quá trình hình thành đô thị nảy nở cũng làm gia tăng tầng lớp tiểu thương, trung lưu, cùng với giới địa chủ và quý tộc phong kiến dần trở thành những phú thương, tạo nên giới tư sản. Nhu cầu cho bộ máy hành chính cai trị thực dân và kiến tạo ý thức hệ quần chúng phục tùng chính sách cai trị đã thúc đẩy chính quyền thuộc địa thành lập hệ thống trường học theo lối đào tạo Pháp học, đào tạo nên một lực lượng trí thức mới chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hoá Pháp và Âu Tây. Những chuyển hoá cơ cấu xã hội ấy với các giai cấp, tầng lớp mới hình thành đã tạo ra những xung đột, va chạm mới vô cùng mạnh mẽ trong đời sống xã hội, cộng hưởng vào những va chạm và đứt gãy trong lĩnh vực văn hoá.

Nền giáo dục cổ truyền của “tam giáo cửu lưu” đã dần bị thay thế cho đến khi chính thức bị loại bỏ vào năm 1915 tại Bắc kỳ, năm 1918 tại Trung kỳ. Làn sóng tân văn, tân thư đã có tác động thức tỉnh nhận thức của một bộ phận nhà Nho cựu học có ý chí công hiến xây dựng, giúp người ta nhận thức rõ hơn vị trí hiện tại của mình, có thêm chất liệu để định hướng lối đi sau này của mình. Những hiện thực của phong trào Duy Tân theo lý tưởng tân thư tại Trung Quốc hay cuộc duy tân thành công của Nhật Bản đều xuất phát từ những cải biến tích cực về nhận thức theo tinh thần tự do dân chủ Tây phương. Chính cái nhìn đó đã nổi theo phong trào truyền bá văn hoá mới ở nước ta mà trong đó nổi bật là hoạt động của Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu và nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục, đã tạo tác động thúc đẩy sự gia tăng số lượng tầng lớp trí thức mới trong xã hội Việt Nam bấy giờ. Phan Ngọc (2018) từng nhận xét về giai đoạn này như sau: “Có một sự tiếp thu phương Tây cực kỳ sôi nổi và hăng hái. Các nhà Nho yêu nước nhận ra con đường cứu nước mới. Tâm trạng giữ lấy đạo nhà, hay độc thiện kỳ thân, đã nhường chỗ cho tâm trạng phấn khởi, phá tan xiềng xích, lao vào thực tế đề Âu hoá nó, dĩ nhiên là theo con đường bản sắc văn hoá quy định, con đường của nhân cách Việt Nam” (Phan Ngọc, 2018, tr 55). Cũng theo Phan Ngọc, sự tiếp xúc với văn hoá Pháp mà đặc biệt là nền giáo dục Pháp học đã bổ sung vào nhận thức của người Việt ba yếu tố, đó là óc phân tích, óc duy lý và óc phê phán (Phan Ngọc, 2018). Chính những yếu tố này đã làm nền cho sự phản tư về thực trạng văn hoá nước nhà và mở đường cho những tiếp thu, cải cách mới.

<sup>1</sup> Tên chữ Hán là 范瓊, tự Thượng Chi (尚之), hiệu là Hoa Đường (華堂) hay Hồng Nhân (洪人). Đây cũng là

các bút danh của ông trong các bài viết trên Nam Phong tạp chí.

Trong bối cảnh đó, Phạm Quỳnh xuất thân từ gia đình Nho học, lại tốt nghiệp đầu khoá ở trường trung học Bảo hộ và có mấy năm (1908 – 1913) công tác ở viện Viễn Đông Bác cổ, ông được trau dồi sâu sắc khối tri thức cả Tây lẫn Đông. Từ năm 1913 đến 1917, Phạm Quỳnh cộng tác với Nguyễn Văn Vĩnh viết và dịch đăng các chủ đề văn chương, khoa kỹ, triết học ở tờ *Đông Dương tạp chí*, thuộc phong trào phổ biến chữ Quốc ngữ và văn hoá Âu Pháp. Năm 1917, Phạm Quỳnh sáng lập tờ *Nam Phong tạp chí*, tương tự hoạt động của tờ *Đông Dương* nhưng có tần suất đăng bài và sức ảnh hưởng mạnh mẽ hơn. Vũ Ngọc Phan nhận định rằng tờ *Nam Phong* không những có chủ đề phong phú hơn các tờ báo trước đó mà sức tác động còn tạo nên một phong trào sáng tác văn thơ sôi nổi lúc bấy giờ (Vũ Ngọc Phan, 1960).

Tờ *Nam Phong* với sứ mệnh truyền bá kiến thức chung cho đông đảo nhân dân Việt Nam đang trong tình trạng “đói kém” về đời sống tinh thần, đăng tải nhiều chủ đề khác nhau gồm cả tác phẩm và dịch phẩm thuộc thi ca, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, du ký, khảo luận chính trị - triết học, bình luận văn học, giới thiệu tôn giáo, cung cấp tư liệu lịch sử Thế giới và Việt Nam, truyền bá khoa học thường thức, v.v.. Phạm Quỳnh đã đề ra năm điểm chủ trương hoạt động của *Nam Phong* như sau: “(1) Giúp mở mang trí thức, giữ gìn đạo đức Á Đông; (2) Truyền bá các khoa học của Thái Tây, nhất là học thuật tư tưởng của nước Pháp; (3) Bảo tồn cái quốc tuý, quốc hồn của người Việt Nam ta; (4) Bênh vực quyền lợi của người Nam và nhất là quyền lợi của người Pháp trong trường kinh tế; (5) Đặc biệt chú ý về sự luyện chữ quốc ngữ cho thành một nền quốc văn Việt Nam” (Vũ Hán, 1973, tr 122–123). *Nam Phong tạp chí* với hơn 210 số, mỗi số hơn 400 trang là một số lượng tư liệu văn học đồ sộ, nhưng tờ tạp chí tồn tại đến tháng 12 năm 1934 thì đình bản, chủ yếu do Phạm Quỳnh không làm chủ bút nữa, nên tờ báo đi dần vào tình trạng kém chất lượng, không còn sức lôi cuốn, hấp dẫn độc giả.

Ngày 2 tháng 5 năm 1919, Phạm Quỳnh sáng lập và giữ vị trí tổng thư ký hội Khai Trí Tiến Đức. Năm 1922, với tư cách đứng đầu hội này, ông được cử sang Pháp dự hội chợ triển lãm Marseille, rồi ở lại Paris ba tháng, đi diễn thuyết nhiều lần trước các viện khoa học, tổ chức xã hội và công chúng Pháp. Từ năm 1925 - 1928, Phạm Quỳnh là hội trưởng hội Trí Tri Bắc kỳ. Năm 1930, ông đề xướng chủ thuyết lập hiến, đòi hỏi người Pháp phải thành lập hiến pháp để quy định rõ ràng những quyền cơ bản của nhân dân, vua quan Việt Nam và chính quyền bảo hộ. Năm 1931, ông được giao chức phó hội trưởng

hội Địa dư Hà Nội. Năm 1932, giữ chức tổng thư ký Ủy ban cứu trợ xã hội Bắc kỳ.

Tháng 11 năm 1932, khi Bảo Đại chính thức đăng cơ, Phạm Quỳnh nhận lời mời của vua vào Huế nhậm chức Đồng lý ngự tiền văn phòng, rồi Thượng thư bộ học, cuối cùng là Thượng thư bộ lại, đứng đầu bộ máy triều đình Huế. Trên cương vị chính trị mới, Phạm Quỳnh đã làm hết sức mình cho sự nghiệp canh tân nền giáo dục nước nhà theo hướng dung nạp khoa học phương Tây và Đạo học phương Đông, cho đến tận khi qua đời vào năm 1945.

Cuộc đời và sự nghiệp của Phạm Quỳnh gây nên nhiều tranh cãi liên quan đến nhìn nhận của ông về dân tộc chủ nghĩa và lập trường chính trị. Nhưng gác lại vấn đề nhân cách chính trị, không thể không thừa nhận những đóng góp lớn lao của ông cho nền văn hoá nước nhà. Hai học giả Dương Quảng Hàm và Vũ Ngọc Phan, những người cùng thời với ông có chung nhận định rằng Phạm Quỳnh đã có những cống hiến vô cùng lớn lao với sự phát triển trí thức xã hội bấy giờ, nhất là với sự hình thành và phát triển văn chương quốc ngữ, mà kho trước tác đồ sộ và ngòi bút đặc sắc của ông đã không những nâng tiếng Việt lên một tầm cao mới, còn tạo nên sự lan toả mạnh mẽ phong trào học tập trong cộng đồng (Vũ Ngọc Phan, 1960; Dương Quảng Hàm, 2005). Sự nghiệp và ý thức cống hiến không mệt mỏi ấy của Phạm Quỳnh chính là một biểu tượng của tinh thần trí thức dân thân.

## 2.2 Quan niệm của Phạm Quỳnh về tầm quan trọng của ý thức nghĩa vụ trong giới trí thức

Tuy Phạm Quỳnh không trực tiếp nêu một định nghĩa nào về khái niệm “trí thức”, nhưng có thể tìm về cách hiểu của ông cho khái niệm này thông qua định giải của công trình từ điển mà ông có tham gia cùng hội Khai Trí Tiến Đức: Bộ *Việt Nam tự điển* xuất bản năm 1931. Bộ từ điển này chiết giải từ “trí thức” chi “người khôn”, “kẻ biết”, dùng trong từ “bậc trí thức”, tức những người có học hành, trình độ trong xã hội (Ban Văn học Hội Khai Trí Tiến Đức, 1931, tr 600). Ý nghĩa ngày nay của cụm từ này cũng không có nhiều sai biệt, *Từ điển tiếng Việt* (2003) của Viện Ngôn ngữ học định nghĩa “trí thức” là “người làm lao động trí óc và có tri thức chuyên môn về nghề nghiệp của mình” (Viện Ngôn ngữ học, 2003, tr 1034). Theo ý nghĩa hiện đại trên thế giới, danh từ “giới trí thức” hay “intellectuals” trong tiếng Anh chỉ những ai đạt được uy tín xã hội từ tri thức và hiểu biết chuyên môn, và công tác trong những lĩnh vực công cộng, đóng góp cho sự gia tăng tri thức xã hội cũng như vì sự phát triển chất lượng

đời sống chung của cộng đồng. Điều đó gắn với ý nghĩa về sự lan toả tinh đoàn kết, lòng vị tha và ý thức trách nhiệm (Williams, 2015).

Trong bài viết “*Nghĩa vụ là gì?*” (1917), Phạm Quỳnh đã khéo léo đi từ những dẫn luận về ý thức quyền lợi song hành với nghĩa vụ trong thiết chế xã hội Âu Tây để đề bạt ý tưởng kiến tạo một thức nhận mới nơi cộng đồng trong nước đối với trách nhiệm công hiến chung. Mô tả thực tế ở phương Tây, ông viết: “Các nước Âu Tây xướng ra nhân quyền, lại xướng ra dân quyền, làm kinh thiên động địa vì hai chữ “quyền lợi” (...) Bấy nhiêu quyền lợi tranh giành xung đột nhau, khởi lên như giao đọ, thì phán định làm sao cho được? Ai cũng có quyền lợi cả, mà duy có cái quyền lợi tối yếu là cái quyền quyết định mọi sự cạnh tranh thì không thuộc về ai! (...) Các nhà trí thức bên Âu châu vẫn biết cái nguy đó, nên nhiều người đã tìm cách để duy trì cho xã hội. Các nhà ấy nghĩ rằng tự do mà đem đến cực điểm thì không phải là một sự hay nữa mà thành một cái vạ, quyền lợi mà không có hạn chế thì chỉ đủ gây nên rối loạn. Vậy muốn chữa lại cái tệ ấy, không gì bằng bồi dưỡng lấy “lòng nghĩa vụ” trong quốc dân, khiến cho ai nấy đều hiểu rằng người ta tuy có quyền lợi, nhưng trọng nhất là nghĩa vụ của mình, muốn hưởng quyền lợi kia, trước phải làm cho trọn nghĩa vụ này mới được” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 26–27).

Từ bài học của Âu Tây nhìn về trong nước, Phạm Quỳnh thấy rõ thực trạng của xã hội Việt Nam khi luân lý mai một, thuần phong mỹ tục tiêu điều, “đâu đâu cũng chỉ thấy đua nhau mà xô đẩy vào trường cạnh tranh quyền lợi. Người làm quan hầu như chỉ có một mục đích: là vơ vét của dân cho thật nhiều... Kẻ đi học cũng không chú ở sự học, chỉ cốt ở đường thi cử tiến thân... không phải học cho nên người tài giỏi...”. Và, theo Phạm Quỳnh, “Muốn cứu lại cái tình thế nguy hiểm ấy, phải bồi dưỡng lấy lòng nghĩa vụ trong quốc dân; phải in sâu hai chữ “nghĩa vụ” vào trong tâm não mỗi người, khiến cho ai làm việc gì cũng phải biết coi việc ấy là một sự thuộc về bản phận mình phải làm cho trọn” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 28). Đó chính là cơ sở tối thiết yếu cho công cuộc vun bồi xây đắp một nền văn hoá mới, tạo cơ sở cho sự phát triển của xã hội khắp mọi phương diện. Chỉ có khi người ta cùng mang ý thức trách nhiệm, cùng nhìn về những viễn cảnh dài hạn của công cuộc dựng xây, công cuộc ấy mới đi đến đích được. Sức mạnh của một quốc gia không gì khác phải dựa vào tình đoàn kết của quốc dân nơi nước ấy, sự hội tụ năng lực và ý chí mới đủ lực lượng xoay chuyển thời cuộc. Như Phạm Quỳnh nhận định: “Một nước còn yếu hèn như nước ta, người dân lại cần phải có lòng

nghĩa vụ nhiều hơn các nước khác”, cũng chính là quan điểm đó vậy.

Ở chỗ quyền lợi gắn liền với nghĩa vụ, mối quan hệ song trùng ấy cho ta biết muốn có nhiều quyền hơn buộc phải chọn gánh lấy nghĩa vụ lớn hơn. Lợi ích của cá nhân không tách rời lợi ích của xã hội, mà chính lợi ích chung của xã hội mới là nguồn phân phát và đảm bảo cung ứng lợi ích cho từng cá nhân riêng lẻ. Từ cách thức nhận đó, “mỗi người tùy tài tùy sức mình, làm cho trọn cái bổn phận mình, nghĩ đến cái lợi chung cho nước hơn là lợi riêng cho mình...”. Bởi ta biết, “cái vốn chung của một nước chính là gồm những công phu riêng của mỗi người vậy” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 29).

Đối với trí thức, theo Phạm Quỳnh, “nghĩa vụ ấy vừa to vừa rộng, vì bọn ta được làm cái danh dự làm người đi trước, phải đưa đường chỉ neo cho quốc dân trong cuộc văn minh tiến bộ. Danh dự ấy có lớn, mà cái trách nhiệm trong đương nặng biết dường nào!”. Ông đặt vấn đề: “Vi ta học để làm gì? Nếu mục đích sự học chỉ là để sung sướng lấy một thân ta, thì mục đích ấy chẳng là thấp mà sự học ấy chẳng là hẹp lắm ư?”. Phạm Quỳnh xác định cương quyết nghĩa vụ của trí thức, hay mục đích của sự học, “là học để giúp cho nước ta thoát khỏi yếu hèn mà được cường thịnh, dân ta khỏi ngu tối mà được sáng suốt” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 29–30). Sự học, theo đó chính là bệ đỡ của văn minh, tiến bộ, là nấc thang để thoát khỏi lạc hậu, nghèo nàn và lệ thuộc. Ở điểm này lý tưởng của ông không khác mấy chí sĩ Phan Châu Trinh ở chỗ xác định “khai dân trí” là bước cơ sở của công cuộc Duy tân, cải cách. Chi từ “khai dân trí” mới có thể “chân dân khí”, rồi mới được “hậu dân sinh”. Nhờ dân trí khai mở, người ta mới thấy rõ hơn sự kết nối giữa bản thân và cộng đồng, mới thức nhận nơi mình phải mang nghĩa vụ xã hội, để từ đó mỗi người phải tự thấy mình phải làm gì.

Trong ý tứ của Phạm Quỳnh, ở khía cạnh khác, sự học còn được hiểu là phải đi cùng lý tưởng về chỗ “dụng”. Sự học mà không có chỗ dụng là sự học vô nghĩa và tẻ nhạt, không có động lực dẫn dắt. Con người thông tuệ thể giới sinh vật chính ở chỗ mạng năng lực nhận thức và sở hữu khối tri thức lớn nhất, con người tồn tại là để nhận thức, và nhận thức là để xác định lối sống, hành động sống. Học thức mở rộng sẽ coi nói năng lực lẫn ham muốn hành động của con người, họ sẽ thấy mình cần phải làm điều lớn lao hơn để xứng đáng với tầm vóc tư tưởng bên trong mình. Dõi theo lịch sử, những bậc đại trí giả hầu như đều là những nhà hoạt động gây ảnh hưởng to lớn. Cũng như lời Phạm Quỳnh: “Trong các công việc của người đời, còn việc gì cao hơn sự học nữa!

Lấy một công việc tối cao như thế mà chỉ dùng làm cái thang tiến đạt cho mình, thì chẳng là mất giá trị của sự học lắm dư?” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 29–30). Không phải nơi sự đặt định, khuôn ép của xã hội hay bất cứ ngoại lực tác động nào, mà chính là do lựa chọn của cá nhân mỗi người một cách tự nhiên, rằng khi tư tưởng lớn bao nhiêu, ý thức về nghĩa vụ sẽ được coi nói rộng bấy nhiêu. Tri thức là cơ sở để hình thành ý thức về nghĩa vụ đồng thời quy định biên cương của nghĩa vụ nơi mỗi con người.

### 2.3 Quan niệm của Phạm Quỳnh về sứ mệnh của giới trí thức trong công cuộc canh tân văn hoá

Thức nhận về sứ mệnh canh tân văn hoá của Phạm Quỳnh khá dĩ xuất phát từ trong quan niệm của ông về văn hoá. Phạm Quỳnh định nghĩa về văn hoá như sau: “Văn hoá là cái cách đào luyện tinh thần người ta thế nào cho thập phần tốt đẹp, để nảy nở ra những công trình to tát, sự nghiệp lớn lao mà đem tư cách một quốc gia đến tuyệt phẩm. Ví người ta như cái cây, thời văn hoá là cách trồng cây, bón cây, tưới cây, cho nở ngành xanh ngọn, kết quả sinh hoa, để tô điểm cho cái vườn hoa của thế giới” (Phạm Quỳnh, 2003, tr 630–631). Tức rằng, với ông, văn hoá phải hiểu chính như là quá trình sống, học tập, trau dồi, tu dưỡng, như cái cây phải được gieo trồng, vun bón, tưới tiêu, chăm sóc tỉ mỉ để đơm hoa đẹp, kết quả lành. Sự nghiệp văn hoá, dễ thấy cũng chỉ có thể được thực hiện như thế, phải là một quá trình dài với tầm nhìn xa rộng và phải hiểu sâu nắm vững kỹ thuật ươm mầm, chăm bón.

Nơi quan niệm của Phạm Quỳnh, trí thức đóng vai trò tiên phong, nòng cốt của sự nghiệp canh tân văn hoá, và chính trí thức là động lực thúc đẩy những bước tiến văn minh, biểu hiện ở hai khía cạnh: thứ nhất, trí thức là cội nguồn và kho chứa của tri thức tiến bộ; thứ hai, trí thức là khuôn mẫu và mực thước của đạo đức xã hội. Một xã hội có văn minh tiến bộ hay không, thiết tưởng nền tảng nhất vẫn là do hai yếu tố trên quy định.

Về quan niệm trí thức là cội nguồn và kho tàng của tri thức tiến bộ, có thể thấy được trong bài viết nhan đề “*Văn minh luận*” (1920) nổi tiếng của Phạm Quỳnh rằng, “văn minh tiến hoá chỉ là bởi trí thức khai thông, và tiến hoá ít hay nhiều lại là bởi cái số những chân lý và trí tuệ người ta phát minh ra được nhiều hay ít... Đại để thời tổng số những sự nghiệp người ta ở đời là tùy theo tổng số những sự trí thức

của người ta, nghĩa là người ta có biết nhiều mới làm được nhiều” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 850). Quan niệm của Phạm Quỳnh vô cùng tiến bộ khi đã nhận ra chính tri thức là cơ sở của văn hoá, văn minh, là nền tảng của sự phát triển. Năng lực đi lên của một xã hội tùy thuộc vào mức độ tri thức sở đạt của xã hội đó, tức là tỉ lệ thuận với khối lượng kiến thức nơi thành phần trí thức trong xã hội ấy có được.

Về quan niệm xem trí thức là khuôn mẫu của đạo đức xã hội, biểu hiện rất cụ thể trong bài viết nhan đề “*Danh dự luận*” (1919) của ông, xem danh dự là gốc rễ của đạo đức. “Danh dự”, theo Phạm Quỳnh: “Theo nghĩa rộng thời danh dự tức là lòng tự tôn tự trọng của người ta, không phải tôn mình mà miệt người thành ra thói kiêu căng, nhưng tôn mình mà nghiêm với mình, trọng cái phẩm giá làm người, đặt nhân cách vào một địa vị rất cao mà tự căng tự lệ [tức nỗ lực rèn luyện] cho tới được; phẩm tư tưởng hành vi nhất thiết muốn cho xứng đáng với nhân cách ấy mới là bằng lòng” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 451). Cách hiểu ấy đã cho thấy vì lẽ gì mà danh dự được xem là gốc rễ của đạo đức, vì danh dự là tự trọng, tự tôn, là cầu thị tiến bộ về nhân cách và khẳng định phẩm giá tự thân, do đó mà ý nghĩ hành vi được danh dự dẫn lối, luôn phải phản ánh những giá trị cao đẹp: “biết tự tôn tự trọng mình cũng chưa đủ, lại phải làm thế nào cho mình xứng đáng sự tôn trọng ấy, cho nên người ta có lòng danh dự bao giờ cũng có chí muốn đặc biệt với kẻ khác, nghĩa là có trau dồi nhân cách cho mỗi ngày một hay hơn người; có thể lòng danh dự mới thật bổ ích cho sự tinh tiến của người ta” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 451).

Đạo đức xã hội, theo Phạm Quỳnh được đặt cơ sở hình thành nơi ý thức về danh dự của mỗi cá nhân, khi tự thân họ có tu dưỡng tốt, có cư xử văn minh, lành mạnh, mới đóng góp vào sự hình thành chuẩn mực đạo đức cộng đồng. Như Phạm Quỳnh viết: “Trình độ một xã hội cao hay thấp là ở lòng danh dự phổ thông của quần chúng” (Phạm Quỳnh, 2006, tr 457), cũng tức là tổng hoà của phẩm giá cá nhân sẽ làm nên phẩm giá của xã hội. Mỗi người biết mình phải sống ra sao, phải làm thế nào để hướng đến cái lợi ích chung và viễn cảnh tiến bộ, thời công cuộc chung ấy mới có thể khởi sắc, đi lên. Điều này cũng tương tự quan niệm về đạo đức của đại triết gia người Đức I. Kant (1724-1804)<sup>2</sup> qua lời dẫn của nhà nghiên cứu Bùi Văn Nam Sơn: “Nơi Kant, “đạo đức” hàm nghĩa rất rộng, như là một sự cam kết đối với “thế giới đạo lý trong tương lai”. Đạo đức hoá

<sup>2</sup> Immanuel Kant, triết gia lớn người Đức, được xem là một trong những nhà triết học quan trọng nhất thời cận

đại, nổi tiếng với tư tưởng phê phán (Kritizismus) và triết thuyết siêu nghiệm (Transzendentalphilosophie).

có nghĩa là làm cho con người – thông qua giáo dục – có thái độ hướng thiện và biết lựa chọn những mục đích tốt đẹp” (Bùi Văn Nam Sơn, 2017, tr 159). Cũng tức là chỉ thông qua giáo dục, mới có được đạo đức, và công cuộc đạo đức hoá hôm nay sẽ là nền tảng để kiến tạo đời sống xã hội tốt đẹp trong tương lai.

Sóng đôi với quan niệm về vai trò của giới có học trong xã hội, bản thân của Phạm Quỳnh chính là một tấm gương về một trí thức có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Ông đã xác định rõ năng lực đóng góp của mình và trung thành, kiên định với nghĩa vụ công hiến, nghĩa vụ được ông tự xác định là phải dùng trí thức và ngòi bút để góp công cho cuộc kiến thiết nâng cao văn hoá dân tộc, xây dựng một nền văn hoá độc lập, rồi người dân mới có thể tự cường. Hình tượng của Phạm Quỳnh không nghi ngờ nữa chính là hình tượng của một “nhà văn dân thân” trong cách nhìn của triết gia Pháp Jean P. Sartre (1905 – 1980), đồng thời là một nhà hoạt động xã hội nổi bật của Pháp thế kỷ XX. Sartre viết: “Người ta không viết cho kẻ nô lệ. Nghệ thuật văn xuôi liên hệ với một thể chế duy nhất mà [tại nơi đó] nó còn giữ được ý nghĩa trọn vẹn: đó là dân chủ (...) bất cứ anh đến với chữ nghĩa bằng phương tiện nào, dù anh có tư tưởng như thế nào, văn chương cũng vẫn dồn anh ra mặt trận. Viết tức là một cách nào đó muốn có tự do, và nếu anh đã bắt đầu, thì đâu muốn đâu không, anh phải dân thân. Người ta sẽ hỏi: Dân thân vào gì? Vào sự bảo vệ tự do” (Thụy Khuê, 2017, tr 427). Cuộc đời của Phạm Quỳnh cũng đã biểu hiện một hành trạng dân thân trọn vẹn và không mệt mỏi với sự nghiệp canh tân văn hoá dân tộc, mà tiêu biểu với hoạt động phát triển quốc văn, quốc ngữ và quốc học của tờ Nam Phong.

### 3 KẾT LUẬN

Nhìn nhận lại những quan niệm của nhà trí thức Phạm Quỳnh về sứ mệnh của trí thức dân tộc với sự nghiệp canh tân văn hoá nước nhà những thập niên đầu thế kỷ XX, như để gọi một cái nhìn tham khảo kinh nghiệm của tiền nhân, tìm kiếm bài học nào đó cho những vấn đề đương đại. Phạm Quỳnh đã có một cái nhìn sắc sảo về công cuộc văn hoá nước nhà và vai trò của giới trí thức. Trước hết, công cuộc văn hoá phải là sự nghiệp chung của toàn thể, do đó

muốn thành tựu phải làm sao hình thành trong mỗi cá nhân ý thức về nghĩa vụ công hiến, mà tiên phong nhất là giới trí thức. Bởi nhờ học vấn mà trí thức dễ dàng hơn ai hết hình thành nên ý thức nghĩa vụ, và học thức cũng là cội nguồn coi nói ý thức nghĩa vụ ấy. Thứ hai, văn hoá và văn minh phải, hay tất yếu được dựng xây từ nền móng của trí thức và đạo đức, mà kho tàng trí thức và khuôn mẫu đạo đức đã, đang và sẽ được thiết tạo cũng như được điều chỉnh nơi những trí thức của mỗi xã hội, mỗi thời đại. Chính họ trước tiên phải thức tỉnh nơi mình ý thức về nghĩa vụ và phải tự phát hiện trong mình khả năng đóng góp. Bài học mà Phạm Quỳnh chuyển tải có lẽ vẫn còn nguyên giá trị sâu sắc trong bối cảnh đất nước ngày nay trước những lựa chọn kiến tạo tương lai phía trước.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Văn học Hội Khai Trí Tiến Đức, 1931. Việt Nam tự điển. Nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn. Hà Nội, 703 trang.
- Bùi Văn Nam Sơn, 2017. Trò chuyện triết học (tập 7). Nhà xuất bản Trí thức. Hà Nội, 346 trang.
- Dương Quảng Hàm, 2005. Việt Nam văn học sử yếu. Nhà xuất bản Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh, 671 trang.
- Lê Thành Khôi, 2018. Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX. Nhà xuất bản Thế Giới. Hà Nội, 638 trang.
- Phạm Quỳnh, 2003. Luận giải văn học và triết học. Nhà xuất bản Văn hoá thông tin. Hà Nội, 642 trang.
- Phạm Quỳnh, 2006. Thượng Chi văn tập. Nhà xuất bản Văn học. Hà Nội, 1123 trang.
- Phan Ngọc, 2018. Sự tiếp xúc của văn hoá Việt Nam với Pháp. Nhà xuất bản Thế Giới. Hà Nội, 220 trang.
- Williams, R., 2015. Keywords: A Vocabulary of Culture and Society, Second Edition. Oxford University Press. New York, 313 pages.
- Thụy Khuê, 2017. Phê bình văn học thế kỷ XX. Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Hà Nội, 586 trang.
- Viện Ngôn ngữ học, 2003. Từ điển tiếng Việt. Nhà xuất bản Đà Nẵng. Đà Nẵng, 1136 trang.
- Vũ Hân, 1973. Văn học Việt Nam thế kỷ XIX, tiền bán thế kỷ XX 1800 – 1945. Nhà xuất bản Khai Trí. Sài Gòn, 211 trang.
- Vũ Ngọc Phan, 1960. Nhà văn hiện đại (quyển nhất). Nhà xuất bản Thăng Long. Sài Gòn, 189 trang.